

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 98/2017/HSST
Ngày: 28/12/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

Ông Trần Văn Đức

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Công Thịnh - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Trần Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 110/2017/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1/ HUỖNH THANH T (T) - Sinh ngày: 10/02/1999, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 8, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ học vấn: 7/12 - Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Huỳnh Thanh C (X), sinh năm: 1971 và bà: Lê Thị T, sinh năm: 1969.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án - Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày **12/10/2017**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

2/ NGUYỄN RẠNG Đ (Đ R) - Sinh ngày: 10/02/1999, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Xóm 3, thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ học vấn: 6/12 - Nghề nghiệp: Không.

Con ông: Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1970 và bà: Trần Thị Kim N, sinh năm: 1976.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án - Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày **16/10/2017**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Bị cáo có mặt tại phiên toà).

* **Người bị hại:** Nguyễn Lê Q - Sinh năm: 1995 - Nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Lê Thị T, sinh năm: 1969 - Nơi cư trú: Khu phố 8, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

2/ Võ Văn H, sinh năm 1989 - Nơi cư trú: Khu phố 02, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ đều bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21giờ 30 phút ngày 08/10/2017, Nguyễn Rạng Đ điều khiển xe mô tô biển số 72V1 - 1259 chở Trường phía sau đi lòng vòng trên địa bàn thị xã L chơi. Khi đến tiệm sửa xe mô tô Trọng Lộc, trên đường T, khu phố 9, phường T, thấy chị Nguyễn Lệ Q đang ngồi trên ghế đá trước tiệm cầm chiếc điện thoại hiệu Sony XPERIA màu hồng, T rủ Đ giật điện thoại trên bàn lấy tiền tiêu xài thì Đ đồng ý và điều khiển xe mô tô cách chị Q khoảng 10 mét thì dừng lại, còn T đi bộ lại gần giật chiếc điện thoại của chị Q rồi nhanh chóng leo lên xe mô tô Đ đang đợi sẵn tẩu thoát. Ngày hôm sau, T mang chiếc điện thoại cướp giật được đến tiệm Sài Gòn Mobi thuộc phường P bán cho chủ tiệm là anh Võ Văn H được 400.000 đồng, T và Đ trả tiền chơi game và tiêu xài hết.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 95/KL-ĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L xác định: 01 điện thoại di động hiệu Sony XPERIA, màu hồng, màn hình bị nứt, một góc điện thoại bị vỡ, đã qua sử dụng có giá là **1.000.000 đồng**.

Vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sony XPERIA, màu hồng, Cơ quan công an điều tra đã trả lại cho người bị hại chị Nguyễn Lệ Q theo biên bản trả lại tài sản ngày 08/11/2017. Đối với chiếc xe mô tô biển số 72V1 - 1259 thuộc sở hữu của mẹ ruột Huỳnh Thanh T là Lê Thị T. Việc T và Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội chị T không biết nên quá trình điều tra, cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe trên.

Về dân sự: Bị hại Nguyễn Lệ Q đã nhận lại chiếc điện thoại hiệu Sony XPERIA và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm về phần dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Văn H không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 105/QĐ-VKS ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ, đều phạm tội: "Cướp giật tài sản". Áp dụng: Khoản 1 Điều 136; Điểm g, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Phạt bị cáo Huỳnh Thanh T mức án tù 18 đến 24 tháng tù và phạt bị cáo Nguyễn Rạng Đ mức án tù 15 đến 18 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng: Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ phải có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 400.000 đồng, để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại Tòa, các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố. Xét, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 08/10/2017, Nguyễn Rạng Đ điều khiển xe mô tô biển số 72V1 - 1259 (xe thuộc sở hữu của bà Lê Thị T - mẹ ruột bị cáo T) chở Huỳnh Thanh T phía sau, khi đến tiệm sửa xe mô tô Trọng Lộc, trên đường T, thuộc khu phố 9, phường T, thị xã L, nhìn thấy chị Nguyễn Lê Q cầm chiếc điện thoại nên T rủ Đ giắt điện thoại trên để bán lấy tiền tiêu xài, thì được Đ đồng ý và điều khiển xe mô tô cách chỗ chị Q ngồi khoảng 10 mét thì dừng lại, T đi bộ lại gần giắt chiếc điện thoại di động hiệu Sony XPERIA, màu hồng, trị giá là 1.000.000 đồng của chị Q rồi nhanh chóng leo lên xe mô tô Đ đang đợi sẵn tẩu thoát. Đến ngày hôm sau, T mang chiếc điện thoại chiếm đoạt được của chị Q đến tiệm Sài Gòn Mobi thuộc phường P bán cho anh Võ Văn H được 400.000 đồng, T và Đ trả tiền chơi game và tiêu xài hết.

Hành vi trên của các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ đã phạm vào tội: “Cướp giắt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và tuổi đời còn trẻ nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng đạo đức, chăm chỉ lao động, tạo thu nhập chính đáng mà lao vào con đường nghiện ngập, cộng với bản tính tham lam, lười biếng, mong muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nặng nhọc, nên các bị cáo đã lợi dụng trời tối, sự mất cảnh giác của người bị hại để tiếp cận, giắt lấy tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát, đem bán lấy tiền chơi game và tiêu xài cá nhân.

Xét thấy, đây là vụ án đồng phạm với tính chất đồng phạm giản đơn, trong quá trình thực hiện tội phạm, mặc dù giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, tổ chức thực hiện, nhưng các bị cáo đã hiểu ý, phối hợp với nhau để hoàn thành việc thực hiện tội phạm. Đánh giá tính chất, mức độ tham gia, vai trò đồng phạm của từng bị cáo trong vụ án: Đối với bị cáo Huỳnh Thanh T thể hiện vai trò là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Nguyễn Rạng Đ cùng thực hiện, đồng thời giữ vai trò là người thực hành tội phạm tích cực, trực tiếp giắt điện thoại của chị Nguyễn Lê Q và mang đi tiêu thụ. Như vậy, với vai trò như đã phân tích trên, bị cáo T phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Rạng Đ, tuy không phải là người khởi xướng nhưng khi được bị cáo T rủ cướp giắt tài sản của chị Q thì hưởng ứng ngay, điều khiển xe mô tô chở bị cáo T đến cách chỗ chị Q ngồi khoảng 10m, rồi đứng ngoài cảnh giới và nổ máy xe chờ sẵn, để bị cáo T đi vào giắt lấy chiếc điện thoại của chị Q và chạy ra xe để bị cáo Đ nhanh chóng chở đi tẩu thoát, nên hành vi của bị cáo Đ thể hiện sự hỗ trợ, giúp sức cho bị cáo T để hoàn thành việc thực hiện tội phạm, là đồng phạm với bị cáo T. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc, tương xứng với vai trò là người giúp sức tích cực.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết như: Quá trình điều tra và tại Tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm sai trái của bản thân; Giá trị tài sản bị chiếm đoạt không lớn (1.000.000 đồng) và cũng đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án - tiền sự, nhất thời phạm tội; Riêng bị cáo Đ sau khi hành vi vi phạm pháp luật bị phát hiện đã đến cơ quan công an để trình diện. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm g, điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với hành vi của anh Võ Văn H mua điện thoại di động hiệu Sony XPERIA của bị cáo T. Quá trình điều tra xác định, anh H không biết điện thoại là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nên hành vi của anh H không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý hình sự đối với anh H là phù hợp.

Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sony XPERIA, màu hồng. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Lệ Q theo biên bản trả lại tài sản ngày 08/11/2017, nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 72V1 - 1259, thuộc sở hữu của bà Lê Thị T (mẹ ruột Huỳnh Thanh T). Xét thấy, việc các bị cáo T và Đ sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội thì bà T không biết. Do đó, quá trình điều tra không thu giữ chiếc xe trên, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Lệ Q, đã nhận lại điện thoại Sony Xperia, màu hồng. Xét thấy, quá trình điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt thì chị Q không yêu cầu các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Văn H, quá trình điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt thì anh H không yêu cầu các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ hoàn trả lại số tiền 400.000 đồng mà anh H đã bỏ ra mua chiếc điện thoại mà các bị cáo đã chiếm đoạt của chị Q. Do đó, đối với số tiền 400.000 đồng tiền mà bị cáo T và Đ có được do phạm tội mà có (dùng tiêu xài chung), cần buộc các bị cáo T và Đ có nghĩa vụ liên đới nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ, đều phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 136; Điểm g, điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- **Xử phạt:** Bị cáo Huỳnh Thanh T **18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **12/10/2017**.

* **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 136; Điểm g, điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Rạng Đ **15 (Mười lăm)** tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **16/10/2017**.

* **Áp dụng:** Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự; Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC.

Tuyên: Buộc các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ phải có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng), để sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo chưa nộp lại số tiền thu lợi bất chính nêu trên để sung quỹ nhà nước, thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

* **Áp dụng:** Điều 98, điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Huỳnh Thanh T và Nguyễn Rạng Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã L
- THADS thị xã L
- Công an thị xã L
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Từ Quốc Thái Bình